

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST

Ngày 10-10-2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dịu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị M;

Bà Phan Thị M Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 về “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị D, sinh năm 1955; nơi cư trú: Thôn K1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Ông Phùng Văn V, sinh năm 1953; nơi cư trú: Thôn K1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 14 tháng 8 năm 2023 và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Vũ Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà tự nguyện chung sống với ông Phùng Văn V từ năm 1974, có tổ chức cưới, sống công khai nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, trầm trọng nhất từ năm 2011, do bất đồng quan điểm sống, ông V không tôn trọng bà và đánh chửi bà nhiều lần nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2011 cho

đến năm 2019 thì ông bà trở lại chung sống với nhau đến đầu năm 2023, ông bà lại phát sinh mâu thuẫn trầm trọng như trước, ông đánh chửi bà, mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Ông bà sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, bà xin ly hôn ông V.

Về con chung: Ông bà có 04 con là Phùng Thị M, sinh ngày 19/10/1974; Phùng Thị N, sinh ngày 16/6/1979; Phùng Thị N1, sinh ngày 04/9/1981; Phùng Văn H, sinh ngày 04/8/1985 đều đã thành niên, xây dựng gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31 tháng 8 năm 2023, ông Phùng Văn V trình bày thống nhất với bà D về thời gian, điều kiện chung sống và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, ông bà xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2011 đến năm 2019 ông bà quay lại chung sống với nhau, thời gian này ông bà xảy ra mâu thuẫn nhỏ, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, không xảy ra những mâu thuẫn lớn. Ông bà sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 đến nay không quan tâm đến nhau nhưng ông vẫn còn tình cảm với bà D, ông xin đoàn tụ để vợ chồng nương tựa nhau.

Về con chung: Ông bà có 04 con chung như bà D đã trình bày, nay các con đều đã thành niên, xây dựng gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà D giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa, nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành luật hôn nhân, gia đình và Mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP

ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị bà Vũ Thị D, cho bà Vũ Thị D được ly hôn ông Phùng Văn V.

- Về con chung: Ông bà có 04 con là Phùng Thị M, sinh ngày 19/10/1974; Phùng Thị N, sinh ngày 16/6/1979; Phùng Thị N1, sinh ngày 04/9/1981; Phùng Văn H, sinh ngày 04/8/1985 đều đã thành niên, xây dựng gia đình riêng, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Bà Vũ Thị D là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Vũ Thị D xin ly hôn ông Phùng Văn V tại Tòa án nhân dân huyện K. Ông V đang cư trú tại xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Ông Phùng Văn V (là bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị D xin ly hôn ông Phùng Văn V; căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã T cung cấp thì bà Vũ Thị D và ông Phùng Văn V tự nguyện chung sống từ năm 1974, có tổ chức cưới, sống công khai nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm

2000; Mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000: Xác định quan hệ hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận. Thời gian chung sống, ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và đã có thời gian sống ly thân từ năm 2011 đến năm 2019, sau này tiếp tục mâu thuẫn từ đầu năm 2023, do bất đồng quan điểm sống, ông V đánh chửi bà D nhiều lần và sống ly thân từ giữa năm 2023 đến nay. Như vậy đủ cơ sở xác định hôn nhân của ông bà thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; yêu cầu xin ly hôn của bà D có cơ sở chấp nhận nên xử cho bà D được ly hôn ông V là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về con chung: Ông bà có 04 con là Phùng Thị M, sinh ngày 19/10/1974; Phùng Thị N, sinh ngày 16/6/1979; Phùng Thị N1, sinh ngày 04/9/1981; Phùng Văn H, sinh ngày 04/8/1985 đều đã thành niên, xây dựng gia đình riêng, các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Vũ Thị D là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi,

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi,

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị D được ly hôn ông Phùng Văn V.
2. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ Thị D.

Hoàn trả lại cho bà Vũ Thị D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001981 ngày 21 tháng 8 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Vũ Thị D có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Phùng Văn V có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Ngũ Đoan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Diệu